TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2022/DS-ST
Ngày: 13-7-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê
2. Bà Lê Thị Kim Ngàn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên toà*:** Ông Mai Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 486/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3121/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Huỳnh Thị TT, sinh năm 1973 – Vắng mặt

Địa chỉ: 131 Nguyễn CT, Phường Nguyễn CT, Quận M, Thành phố H

2. Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1977 – Vắng mặt

Địa chỉ: 2/25 Trần NT, Phường H, Quận M, Thành phố H

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm VV, sinh năm 1971, địa chỉ: 35 Đường số N, khu đô thị VP, phường Hiệp BP, thành phố TD, Thành phố H là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 22348, quyển số 08 ngày 06/8/2020 lập tại Văn phòng Công chứng H X Ngụ, Thành phố Hồ Chí Minh) – Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hồng H, sinh năm 1969 – Vắng mặt

Địa chỉ: 1Kép/2A Nguyễn ĐC, phường Đk, Quận M, Thành phố H

(Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam T17 Bộ Công an – đóng tại Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị HH, sinh năm 1975 – Vắng mặt

Địa chỉ: 3/12 Đường MH, Khu phố H, phường Hiệp BC, thành phố TĐ, Thành phố H

2. Ông Huỳnh T S, sinh năm 1970 – Vắng mặt

Địa chỉ: 278/2 Nguyễn X, Phường MB, quận BT, Thành phố H

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị HH và ông Huỳnh TS: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1971, địa chỉ: 35 Đường số N, khu đô thị VP, phường Hiệp BP, thành phố TD, Thành phố H là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 022375, quyển số 08 ngày 06/8/2020 và Văn bản ủy quyền số 022440, quyển số 08 ngày 07/8/2020 lập tại Văn phòng Công chứng H X N, Thành phố Hồ Chí Minh) – Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2019, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai của ông Phạm Văn Vui là người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị TT, ông Nguyễn Đức V tại phiên tòa trình bày:***

1. Về khoản vay của bà Huỳnh Thị TT: Bà T có cho ông Nguyễn Hồng H vay số tiền tổng cộng là 15.000.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 03/10/2014: Ông H vay 100.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 03/10/2014, sau đó vay thêm 300.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền vay là 400.000.000 đồng.

Ngày 12/02/2015: Ông H vay 800.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền số công chứng 03081 ngày 12/02/2015 tại Văn phòng công chứng Q M, lãi suất hai bên tự thoả thuận theo quy định pháp luật.

Ngày 16/5/2017: Ông H vay 10.000.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền số công chứng 016482 ngày 16/5/2017 tại Văn phòng Công chứng H X, lãi suất: 1,5%/tháng.

Ngày 30/5/2017: Ông H vay 3.500.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền số công chứng 018444 ngày 30/5/2017 tại Văn phòng Công chứng H X, lãi suất : 0,7%/tháng .

Ngày 09/1162016: Bà T có nhờ bà Nguyễn Thị HH chuyển cho ông Nguyễn Hồng H vay 300.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 09.11.2016, nội dung "T gửi tiền anh H mượn" 300.000.000 đồng.

2. *Về khoản vay của ông Nguyễn Đức V*: Ông V có cho ông Nguyễn Hồng H vay số tiền tổng cộng là 17.700.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 07/9/2016: Ông H vay 7.700.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền số công chứng 027407 ngày 07/9/2016 tại Văn phòng Công chứng H X, lãi suất: 0,7%/tháng.

Ngày 07/12/2016: Ông V có nhờ ông Huỳnh Thanh S chuyển cho ông Nguyễn Hồng H vay số tiền 2.000.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền 07/12/2016 nội dung: "Anh H mượn của Nguyễn Đức V 2.000.000.000 đồng số CMND 025543284"

Ngày 02/8/2017: Ông H vay số tiền 7.000.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 02/8/2017 nội dung "Nguyễn Đức V cho Nguyễn Hồng H mượn tiền làm ăn, ĐT:0913608888"

Ngày 17/8/2017: Ông Hvay số tiền 1.000.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 17/8/2017, nội dung "V cho anh H mượn 1.000.000.000 đồng làm ăn".

Hai khoản vay trên mặc dù đã quá thời hạn trả nhưng ông Nguyễn Hồng H vẫn cố tình không trả cho nguyên đơn các khoản tiền vay trên, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Hồng H trả cho bà Huỳnh Thị TT toàn bộ nợ gốc đã vay là 15.000.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn và quá hạn trên số tiền nợ gốc 14.300.000.000 đồng tính đến ngày 13/7/2022 là 12.092.010.959 đồng. Riêng khoản tiền nợ gốc 700.000.000 đồng không tính lãi vì hai bên không thỏa thuận lãi suất.

- Buộc ông Nguyễn Hồng H trả cho ông Nguyễn Đức V toàn bộ nợ gốc đã vay là 17.700.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn và quá hạn trên số tiền nợ gốc 7.700.000.000 đồng tính đến ngày 13/7/2022 là 5.618.229.726 đồng. Riêng khoản tiền nợ gốc 10.000.000.000 đồng không tính lãi vì hai bên không thỏa thuận lãi suất.

Nguyên đơn đồng ý cho bị đơn thanh toán trong thời hạn 30 ngày kể từ bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

**** Bị đơn ông Nguyễn Hồng H tại bản khai đề ngày 19/3/2021 và đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt đề ngày 19/3/2021 trình bày:***

- Đối với số tiền vay của bà Huỳnh Thị TT là 15.000.000.000 đồng:

Tất cả hợp đồng vay tiền lập tại Văn phòng Công chứng H X ngày 16/5/2017 với số tiền vay là 10.000.000.000 đồng, Hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Q M ngày 12/02/2015 với số tiền vay 800.000.000 đồng, Hợp đồng vay tiền tại Văn phòng Công chứng H X ngày 30/5/2017 với số tiền vay 3.500.000.000 đồng, giấy vay tiền ngày 03/10/2014 với số tiền 400.000.000 đồng, tất cả các khoản vay đều là chữ ký và chữ viết của ông;

Ngày 09/11/2016, bà Huỳnh Thị TT có cho người nộp tiền cho ông tên là bà Nguyễn Thị H H chuyển tại Ngân hàng A.

Ông xác nhận toàn bộ số tiền vay nêu trên đã được trả cho bà Huỳnh Thị TT và có ký nhận trong cuốn sổ tay của bà T, ông trả cho bà T bằng tiền mặt, ghi rõ số tiền nợ và trả. Trước đây do bà T liên quan đến việc cho vay nặng lãi nên bị Công an Quận 1 bắt và chuyển giao cho PC02 Công an Thành phố Hồ Chí Minh và có thu giữ cuốn sổ tay trên, trong đó có ghi số tiền vay và việc trả tiền của ông, vì trước đây bà T hay xé trang trong sổ nên sau này ông đánh số trang vào sổ. Do đó, đối với toàn bộ số tiền vay của bà T ông đã trả rồi nên không đồng ý trả số tiền trên theo yêu cầu của bà T.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức V yêu cầu trả số tiền 17.700.000.000 đồng:

Đối với số tiền 1.000.000.000 đồng do ông V chuyển cho ông vào ngày 17/8/2017; 7.000.000.000 đồng chuyển vào ngày 02/8/2017 và số tiền 2.000.000.000 đồng do Huỳnh Thanh S chuyển vào tài khoản của ông ngày 07/12/2016 tại Ngân hàng A. Ông xác nhận có vay số tiền trên của ông Vang, việc chuyển tiền vay này không tính lãi và không nói thời hạn trả.

Đối với Hợp đồng vay tiền số tiền 7.700.000.000 đồng lập tại Văn phòng Công chứng H X ngày 07/9/2016, ông xác nhận ông có ký Hợp đồng vay nhưng không nhận tiền vay từ Hợp đồng này. Nếu ông V cho rằng ông có nhận số tiền này thì đề nghị ông V chứng minh.

Đối với giấy chuyển tiền ngày 17/8/2017, ông H đã trả cho ông Nguyễn Đức V như trường hợp của bà T.

Đối với Giấy chuyển tiền ngày 02/8/2017, số tiền chuyển là 7.000.000.000 đồng, số tiền này không phải ông H vay của ông Nguyễn Đức V mà số tiền này ông vay của ông Vũ Đăng P, sau đó, ông Nguyễn Đức V chuyển số tiền này cho ông.

Đối với số tiền 2.000.000.000 đồng do ông Huỳnh Thanh Sơn chuyển vào ngày 07/12/2016, ông đã thanh toán như trường hợp của bà T, do đó, với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức V, ông không đồng ý trả.

Lý do có sự quan hệ giữa T - V - P như sau:

Ông quen biết bà T từ năm 2013 thông qua một người bạn của bà T là người môi giới cho vay. Hợp đồng ông ký vay bắt đầu từ ông Vũ Đăng Phúc và sau này tất cả các khoản vay đều thông qua bà T.

Đối với ông Nguyễn Đức V là chồng của bà T, nên ông mới gặp và quen biết ông Trần Hữu B, việc vay và nhận tiền vay tất cả đều thông qua bà T, ông không làm việc trực tiếp với ông B, ông V, ông P. Do đó, bị đơn đề nghị Tòa án thu thập cuốn sổ do bà T ghi chép tại cơ quan Công an như ông trình bày ở trên.

Hiện nay do ông đang bị tạm giam để giải quyết vụ án hình sự do cơ quan điều tra Bộ Công an (C03) giải quyết, nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông, ông không thắc mắc khiếu nại gì khi Tòa án giải quyết vắng mặt. Trường hợp bản án của Tòa án tống đạt, đề nghị Tòa án giao cho con gái của ông là Đinh Hoàng YN, sinh năm 1994, địa chỉ 66 đường 34 Trần N, phường BA, Quận H (nay là phường AK, thành phố TĐ), Thành phố H.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H H tại bản khai đề ngày 23/12/2019 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Văn V trình bày***:

Ngày 09/11/2016 bà T có nhờ bà nộp tiền vào tài khoản số 26073539 của Ngân hàng TMCP AC– chi nhánh Tân Bình của ông Nguyễn Hồng H với số tiền 300.000.000 đồng, với nội dung "T gửi tiền anh H mượn". Số tiền trên là của bà T, không phải là của bà H, bà H chỉ là người đi nộp tiền dùm bà T, nay do ông H không trả được nợ nên bà T khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Thanh S tại bản khai đề ngày 23/12/2019 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Văn V trình bày:

Ngày 07/12/2016 ông Nguyễn Đức V do bận công việc nên có nhờ ông nộp tiền vào tài khoản số 26073539 của Ngân hàng TMCP AC– chi nhánh Tân Bình của ông Nguyễn Hồng H với số tiền 2.000.000.000 đồng, với nội dung "anh H mượn của Nguyễn Đức V 2 tỷ số CMND 025543284". Số tiền trên là của ông V, không phải là của ông S, ông S chỉ là người đi nộp tiền dùm ông V, nay do ông H không trả được nợ nên ông V khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào xác nhận của hai bên tại phiên tòa, xác định bị đơn có vay của bà Huỳnh Thị TT số tiền 15.000.000.000 đồng và vay của ông Nguyễn Đức V 17.700.000.000 đồng và từ khi vay đến nay chưa trả tiền lãi, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay và tiền lãi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Bà Huỳnh Thị TT và ông Nguyễn Đức V khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là ông Nguyễn Hồng H; theo các kết quả xác minh ngày 11/12/2019 của Công an phường ĐK, Quận 1 *"Ông Nguyễn Hồng H, sinh năm 1969, có hộ khẩu thường trú tại 1kép/2A Nguyễn ĐC, phường ĐK, Quận 1, địa chỉ trên đã giải tỏa trắng từ năm 2010, ông H đang thực tế cư trú tại địa chỉ 66 đường 34 phường BA, Quận H"*; Kết quả xác minh của Công an phường BA, Quận H ngày 16/12/2019 "*Tại 66 đường 34 không có ai tên Nguyễn Hồng H cư trú"*. Ngày 06/6/2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Bộ Công an đã khởi tố

vụ án hình sự và khởi tố bị can Nguyễn Hồng H để điều tra về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điều 174 Bộ luật Hình sự (hiện ông H đang bị tạm giam); ông Hcó nơi cư trú cuối cùng theo hộ khẩu thường trú tại 1kép/2A Nguyễn ĐC, phường ĐK, Quận M; theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Nguyễn Hồng H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, xét thấy việc xét xử vắng mặt ông H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại bản khai đề ngày 19/3/2021, ông H khai về mối quan hệ giữa bà T, ông Vang, ông Trần HB và ông Vũ ĐP trong việc vay tiền; ngoài lời khai của ông Hải, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện mối liên hệ giữa các cá nhân trên. Đối với vụ án ông Trần HB khởi kiện ông H tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Tòa án đã thụ lý vụ án số 348/2020/TLST-DS ngày 10/7/2020 và đang giải quyết. Do đó, Tòa án không đưa ông Trần HB và ông Vũ ĐP tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về áp dụng pháp luật nội dung:

[4] *Xét yêu cầu của bà Huỳnh Thị TT yêu cầu ông Nguyễn Hồng H trả toàn bộ nợ gốc đã vay là 15.000.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 13/7/2022 là 12.092.010.959 đồng và yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức V yêu cầu ông H trả toàn bộ nợ gốc đã vay là 17.700.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 13/7/2022 là 5.618.229.726 đồng; Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[5] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, được bị đơn xác nhận trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, gồm:

[5.1] Đối với khoản vay của bà T:

- Hợp đồng vay tiền ngày 30/5/2017, số công chứng 018444, lập tại Văn phòng Công chứng H X, Thành phố Hồ Chí Minh; vay số tiền 3.500.000.000 đồng, thời hạn vay 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 0,7%/tháng, ông Hsẽ trả gốc và lãi vào ngày 14/6/2017, mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh, việc giao tiền Công chứng viên không chứng kiến và hai bên tự lập biên

bản riêng; mặt sau của trang 1 hợp đồng này ông Nguyễn Hồng H ký tên và ghi "*Hôm nay ngày 30/5/2017, đã nhận đủ số tiền 3.500.000.000 đồng"*;

- Hợp đồng vay tiền ngày 12/02/2015, số công chứng 03081, lập tại Văn phòng công chứng Q M, Thành phố Hồ Chí Minh; vay số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 12/02/2015, lãi suất hai bên tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật, việc giao tiền Công chứng viên không chứng kiến và hai bên tự lập biên bản riêng, mặt sau của trang 1 hợp đồng này ông Nguyễn Hồng H ký tên và ghi *"Đã nhận đủ tám trăm triệu đồng"*;

- Hợp đồng vay tiền ngày 16/5/2017, số công chứng 016482, lập tại Văn phòng Công chứng H X, Thành phố Hồ Chí Minh; vay số tiền 10.000.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay 1,5%/tháng, trả lãi vào ngày 16 dương lịch hàng tháng, mục đích vay để kinh doanh, việc giao tiền Công chứng viên không chứng kiến và hai bên tự lập biên bản riêng, mặt sau của trang 2 hợp đồng này ông Nguyễn Hồng H ký tên và ghi "*Tôi: Nguyễn Hồng H đã nhận đủ tiền vay 10.000.000.000 đồng – mười tỷ đồng chẵn – ngày 16/5/2017*";

- Giấy vay tiền viết tay ngày 03/10/2014; vay 400.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ.

- Giấy nộp tiền ngày 09/11/2016 từ Nguyễn Thị H H đến người thụ hưởng Nguyễn Hồng H tại Ngân hàng A, theo đó nội dung chuyển khoản là "*T gửi tiền anh H mượn"*, số tiền chuyển khoản 300.000.000 đồng; không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ.

[5.2] Đối với khoản vay của ông V:

- Hợp đồng vay tiền ngày 07/9/2016, số công chứng 027407, lập tại Văn phòng Công chứng H X, Thành phố Hồ Chí Minh, vay số tiền 7.700.000.000 đồng, thời hạn vay 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay 0,7%/tháng, ông H trả gốc và lãi vào ngày 07/11/2016, mục đích vay để kinh doanh, việc giao tiền Công chứng viên không chứng kiến và hai bên tự lập biên bản riêng, mặt sau của trang 1 hợp đồng này ông Nguyễn Hồng H ký tên và ghi "*Đã nhận đủ 7.700.000.000 đồng – bảy tỷ bảy trăm triệu đồng – ngày 07/9/16";*

- Giấy nộp tiền ngày 17/8/2017 từ Nguyễn Đức V đến người thụ hưởng Nguyễn Hồng H tại Ngân hàng A, theo đó nội dung chuyển khoản là "*Vang cho*

anh Hải mượn 1 tỷ làm ăn”, số tiền chuyển khoản 1.000.000.000 đồng; không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ;

- Giấy nộp tiền ngày 02/8/2017 từ Nguyễn Đức V đến người thụ hưởng Nguyễn Hồng H tại Ngân hàng A, theo đó nội dung chuyển khoản là “*Nguyễn Đức V cho Nguyễn Hồng H mượn tiền làm ăn (ĐT: 0913608888)”*, số tiền chuyển khoản 7.000.000.000 đồng; không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ;

- Giấy nộp tiền ngày 07/12/2016 từ Huỳnh Thanh S đến người thụ hưởng Nguyễn Hồng H tại Ngân hàng A, theo đó nội dung chuyển khoản là “*anh H mượn của Nguyễn Đức V 2 tỷ số CMND 025543284”*, số tiền chuyển khoản 2.000.000.000 đồng; không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ;

[6] Tại bản khai ngày 19/3/2021, ông H cho rằng ông trả tất cả số tiền vay trên cho bà T và ông V, việc trả tiền này là bằng tiền mặt, ghi rõ số tiền nợ và trả, do trước đây bà T liên quan đến việc cho vay nặng lãi nên bị Công an Quận 1 bắt và chuyển giao cho PC02 Công an Thành phố Hồ Chí Minh thu giữ cuốn sổ. Do đó, các khoản vay trên ông đã trả rồi nên không đồng ý trả số tiền trên theo yêu cầu của bà T và ông V.

[7] Căn cứ Văn bản số 1667/BC-ĐTTH ngày 06/6/2022 của Công an Quận 1 và Văn bản số 15866/CQCSĐT-CSHS-Đ8 ngày 30/6/2022 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh (PC02): Từ 2016 đến nay không tiếp nhận và thụ lý đơn nào liên quan đến bà Huỳnh Thị TT có hành vi cho vay nặng lãi, cũng không thu giữ cuốn sổ nào như ông Nguyễn Hồng H khai.

[8] Như vậy, ngoài lời khai ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến việc đã trả tiền vay cho bà T và ông V. Đối với khoản tiền vay 7.700.000.000 đồng của ông V theo Hợp đồng vay tiền ngày 07/9/2016 lập tại Văn phòng Công chứng H X, ông H cho rằng chưa nhận tiền vay từ hợp đồng này và đề nghị ông V chứng minh việc giao tiền, trong quá trình giải quyết vụ án ông V xuất trình bản chính hợp đồng và tại mặt sau trang 1 của hợp đồng ông Nguyễn Hồng H ký tên và ghi “*Đã nhận đủ 7.700.000.000 đồng – bảy tỷ bảy trăm triệu đồng – ngày 07/9/16”;* việc ghi và ký tên ở mặt sau trang 1 của hợp đồng của ông H đã đủ căn cứ chứng minh ông H có nhận tiền vay mà không cần phải thu thập thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Do đó, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp, được bị đơn xác nhận, Hội đồng xét xử xác định ông H có vay của bà T số tiền 15.000.00.000 đồng, ông H vay của ông V số tiền 17.700.000.000 đồng và đến nay chưa trả.

[9] Đối với Hợp đồng vay tiền ngày 30/5/2017, số công chứng 018444, lập tại Văn phòng Công chứng H X; Hợp đồng vay tiền ngày 12/02/2015, số công chứng 03081 lập tại Văn phòng công chứng Q M; Hợp đồng vay tiền ngày 16/5/2017, số công chứng 016482 lập tại Văn phòng Công chứng H X và Hợp đồng vay tiền ngày 07/9/2016, số công chứng 027407, lập tại Văn phòng Công chứng H X là những hợp đồng vay có thời hạn và đã quá hạn thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng.

Đối với "Giấy vay tiền viết tay ngày 03/10/2014"; "Giấy nộp tiền ngày 09/11/2016 từ Nguyễn Thị H H đến người thụ hưởng Nguyễn Hồng H tại Ngân hàng A"; "Giấy nộp tiền ngày 17/8/2017 từ Nguyễn Đức V đến người thụ hưởng Nguyễn Hồng H tại Ngân hàng A"; "Giấy nộp tiền ngày 02/8/2017 từ Nguyễn Đức V đến người thụ hưởng Nguyễn Hồng H tại Ngân hàng A" và "Giấy nộp tiền ngày 07/12/2016 từ Huỳnh Thanh Sơn đến người thụ hưởng Nguyễn Hồng H tại Ngân hàng A" là những khoản vay không kỳ hạn và không thỏa thuận lãi suất, theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự "*Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý*", tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý cho bị đơn trả toàn bộ số tiền vay nêu trên trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[10] Về yêu cầu tiền lãi: Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà T và ông V chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 13/7/2022, tổng cộng là 17.710.310.685 đồng đối với các hợp đồng sau: Đối với Hợp đồng vay tiền ngày 30/5/2017, số công chứng 018444, lập tại Văn phòng Công chứng H X; Hợp đồng vay tiền ngày 12/02/2015, số công chứng 03081 lập tại Văn phòng công chứng Q M; Hợp đồng vay tiền ngày 16/5/2017, số công chứng 016482 lập tại Văn phòng Công chứng H X và Hợp đồng vay tiền ngày 07/9/2016, số công chứng 027407, lập tại Văn phòng Công chứng H X.

Khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định "*Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:*

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"

Căn cứ vào thỏa thuận lãi suất của các bên trong các hợp đồng nêu trên, số tiền lãi cụ thể như sau:

1. Tiền lãi của Hợp đồng vay tiền ngày 30/5/2017 (Bà T): 2.252.120.548 đồng, gồm:

+ Lãi trong hạn: số tiền vay 3.500.000.000 đồng * 15 ngày (30/5/2017 đến 14/6/2017) * 8.4%/năm (0,7%/tháng) = 12.082.192 đồng.

+ Lãi quá hạn: số tiền vay 3.500.000.000 đồng * 1854 ngày (15/6/2017 đến 13/7/2022) * 12,6%/năm (1,05%/tháng) = 2.240.038.356 đồng.

2. Tiền lãi của Hợp đồng vay tiền ngày 16/5/2017 (Bà T): số tiền vay 10.000.000.000 đồng * 1884 ngày (16/5/2017 đến 13/7/2022) * 18%/năm (1.5%/tháng) = 12.082.192 đồng (Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý cho bị đơn trả lãi trong hạn và quá hạn là 18%/năm).

3. Tiền lãi của Hợp đồng vay tiền ngày 12/02/2015 (Bà T): 800.000.000 đồng * 2527 ngày (12/8/2015 đến 13/7/2022) * 10%/năm (0,833%/tháng) = 553.863.014 đồng.

4. Tiền lãi của Hợp đồng vay tiền ngày 07/9/2016 (Ông V): 5.622.185.754 đồng, gồm:

+ Lãi trong hạn: số tiền vay 7.700.000.000 đồng * 60 ngày (07/9/2016 đến 06/11/2016) *8.4%/năm (0,7%/tháng) = 106.323.288 đồng.

+ Lãi quá hạn: số tiền vay 7.700.000.000 đồng * 2074 ngày (07/11/2016 đến 13/7/2022) * 12,6%/năm (1,05%/tháng) = 5.512.862.466 đồng.

Như vậy, số tiền lãi ông H phải trả cho bà T là 12.096.942.466 đồng; số tiền lãi ông H phải trả cho ông V là 5.619.185.754 đồng.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bà T và ông V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền gốc và lãi phải trả cho bà T 27.096.942.466 đồng, án phí dân sự sơ thẩm là 135.096.942 đồng.

Ông Hphải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền gốc và lãi phải trả cho ông V 23.319.185.753 đồng, án phí dân sự sơ thẩm là 131.319.186 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Hồng H trả cho bà Huỳnh Thị TT số tiền nợ gốc 15.000.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 13/7/2022 là 12.096.942.466 đồng. Tổng cộng 27.096.942.466 đồng

Buộc ông Nguyễn Hồng H trả cho ông Nguyễn Đức V số tiền nợ gốc 17.700.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 13/7/2022 là 5.619.185.754 đồng. Tổng cộng 23.319.185.754 đồng

Trả trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

2. Về Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 135.096.942 đồng trên số tiền phải trả cho bà Huỳnh Thị TT.

Ông Nguyễn Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 131.319.186 đồng trên số tiền phải trả cho ông Nguyễn Đức V.

Bà Huỳnh Thị TT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 65.646.066 đồng theo biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0005266 ngày 18/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Đức V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông V số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 63.882.720 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0005265 ngày 18/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Hồng H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ việc.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phượng